

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 374/2020/HS-PT  
Ngày: 17-9-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyền

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Vĩnh Yên

Ông Vũ Hồng Luyện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà **Tổng Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 286/2020/TLPT – HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo Diệp Văn H1, bị cáo do có kháng cáo của bị cáo Diệp Văn H1, bị cáo Lê Văn Ngọc H2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2020/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

**1. Diệp Văn H1**, sinh năm 1992, tại Đồng Nai;

Nơi cư trú: Số nhà 814, tổ 9, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Diệp Văn H1 – sinh năm 1968, con bà Nguyễn Thị Kim T - sinh năm: 1969; bị cáo có vợ là Lê Thị Kim H - sinh năm 1995, bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/01/2019 đến ngày 25/02/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Nhân thân: Ngày 17/6/2009 bị công an huyện T xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 07/7/2009 bị công an huyện T xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi chống người thi hành công vụ.

Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “ Cố ý gây thương tích ”.

Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt.

**2. Lê Văn Ngọc H2**, sinh năm 1997, tại Đồng Nai;

Nơi cư trú: số 64, tổ 1, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Đ – (chết), con bà Lê Thị H - sinh năm: 1964; bị cáo chưa có vợ con, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình có năm anh chị em; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “ Có ý gây thương tích”.

Bị cáo được tại ngoại điều tra.

Nhân thân: tốt.

Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc xin giảm nhẹ hình phạt.

- **Người bào chữa cho bị cáo H1, bị cáo H2**: Luật sư Hà Thị N – Văn phòng luật sư Hà Thị N - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

- **Bị hại**: Anh Nguyễn Thái T – sinh năm: 1979;

HKTT: số 172 khu 4 ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo H1, H2 và Luật sư có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào sáng ngày 01/6/2018 anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1979, trú tại xã B, huyện X hành nghề bán hàng rong (nước ngọt, sâm sa, caphe...) bằng xe mô tô trong khu vực khu công nghiệp D, thuộc ấp P, xã B2 (nay là khu phố P, thị trấn D, huyện T). Trong lúc đang bán nước trước cổng Công ty AF có chị Diệp Thị Thu H3, sinh năm 1991, trú tại ấp 9/4, xã T, (nay là ấp 9/4 xã H), cũng hành nghề bán nước trong khu công nghiệp D, do tranh chấp địa bàn buôn bán nên giữa H3 và T xảy ra cự cãi và xô xát, anh T có dùng tay tát vào mặt chị H3 nhưng được bảo vệ trong khu công nghiệp can ngăn nên sự việc chấm dứt, Nguyễn Thái T tiếp tục đi bán nước, Diệp Thị Thu H3 bức tức việc bị anh T đánh nên đã gọi điện thoại cho em trai là Diệp Văn H1, sinh năm 1992 nói về việc bị Nguyễn Thái T đánh ở khu công nghiệp D.

Khoảng 8 giờ cùng ngày, sau khi biết chị Diệp Thị Thu H3 bị Nguyễn Thái T đánh ở khu công nghiệp D, Diệp Văn H1 sử dụng xe mô tô 60B7-40602 chở theo Lê Văn Ngọc H2 (em vợ của H1) cả hai cùng đi đến khu công nghiệp D tìm đánh anh T. Khi đi đến trước cổng công ty D, Diệp Văn H1 nhìn thấy anh Nguyễn Thái T đang ngồi trước cổng Công ty D gần vị trí xe mô tô của anh T để bán nước thì H1 dừng xe ở ngoài chạy xông thẳng vào dùng chân phải đá thẳng vào vùng ngực bên phải người

anh T làm cho anh T té ngã về sau, anh T dùng tay chống đỡ, H1 tiếp tục dùng tay chân đánh vào mặt, người của anh T, khi anh T đứng dậy để chống trả lại H1 thì Lê Văn Ngọc H2 dùng nón bảo hiểm đánh vào phần đầu từ phía sau, anh T bị đánh nên bỏ chạy ra phía bên kia đường thì H1 và H2 tiếp tục đuổi theo đánh anh T, H1 dùng tay, chân đánh anh T, còn H2 dùng nón bảo hiểm đánh nhau với anh T được một lúc thì người đi đường đến can ngăn sự việc chấm dứt, anh T bị thương nặng đã gọi người nhà đến đưa đi cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0456/GĐPY/2018 ngày 20/7/2018 của Giám định viên Trần Văn H và Giám định viên Nguyễn G thuộc Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích của anh Nguyễn Thái T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tồn thương tràn khí, tràn dịch màng phổi phải đã điều trị, hiện để lại dày dính màng phổi phải. Tỷ lệ 21%.

- Tồn thương gãy cung sau xương sườn số IX, X bên phải. Tỷ lệ 05%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 25%.

Quá trình điều tra các bị cáo Diệp Văn H1, Lê Văn Ngọc H2 đã khai nhận về hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản án số 47/2020/HS-ST ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện T:

1. Áp dụng: điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Diệp Văn H1 và Lê Văn Ngọc H2.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Diệp Văn H1 và bị cáo Lê Văn Ngọc H2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Xử phạt bị cáo Diệp Văn H1 03(ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn tù của bị cáo H1 được tính kể từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi 31 (ba mươi mốt) ngày đã bị tạm giam.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn Ngọc H2 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 bộ luật TTHS năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh hiệu Xmoto.

(vật chứng đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2020).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Diệp Văn H1 và bị cáo Lê Văn Ngọc H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm) ngàn đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 09/7/2020, bị cáo Diệp Văn H1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/7/2020, bị cáo Lê Văn Ngọc H2 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại tòa án: Bản Kết luận giám định có một số nội dung không T với Giấy chứng nhận thương tích nhưng chưa được làm rõ. Kết luận giám định ghi căn cứ công văn số 842/BV-KHTH ngày 25/6/2018 của Bệnh viện ĐKKV khu vực K nhưng hồ sơ không thể hiện có công văn này.

Bản án sơ thẩm nhận định hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 nhưng biên bản nghị án và quyết định của bản án lại áp dụng điểm a khoản 1 Điều 2 khoản 2 của Điều 134. Như vậy, nội dung phần nhận định của bản án, quyết định của bản án là không thống nhất, áp dụng điều luật sai.

Vì vậy, đề nghị hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Quan điểm của Luật sư tham bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa: Kết luận giám định có nhiều nội dung không T với chứng nhận thương tích của bệnh viện, không đúng với thương tích của bị hại, không đủ căn cứ kết luận tỷ lệ thương tật của bị hại là do các bị cáo gây ra nhưng chưa được làm rõ và bản Kết luận giám định cũng không được giao cho các bị cáo nên không đảm bảo quyền khiếu nại của các bị cáo.

Gia cảnh 2 bị cáo đều rất khó khăn. Các bị cáo đều có trình độ văn hóa thấp, nhận thức hạn chế, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt.

Bản án sơ thẩm tuyên phạt mức án là không phù hợp với hành vi của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Diệp Văn H1, Lê Văn Ngọc H2 kháng cáo đúng quy định nên được đưa ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của các bị cáo xét thấy:

[2] Về thủ tục tố tụng ở cấp sơ thẩm:

Trong quá trình điều tra, cơ quan tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình truy tố và xét xử có một số sai sót như sau: Cáo trạng số 28/CT.VKS-TN ngày 13/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện T ở phần kết luận ghi “hành vi của bị cáo Diệp Văn H1 và Lê Văn Ngọc H2 đã phạm vào tội cố gây thương tích quy định tại điểm i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS. Điểm a khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS quy định... i) có tính chất côn đồ. ...” và phần Quyết định: Truy tố ra trước TAND huyện T để xét xử các bị cáo ... về tội cố ý gây thương tích.... Theo quy định tại điểm i khoản 1....”. Như vậy giữa kết luận và Quyết định của Cáo trạng có nội dung không thống nhất về quy định của pháp luật áp dụng để xét xử về tội danh và tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo. Lẽ ra Tòa án phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để có Cáo trạng chính xác. Bản án sơ thẩm nhận định: Tại phiên tòa, đại diện VKS phát biểu quan điểm đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 điểm đ khoản 2 Điều 134 và điểm p, s Điều 51 BLHS. Bản án cũng nhận định hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134...nhưng Biên bản nghị án và quyết định của bản án lại áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 của Điều 134. Như vậy, nội dung phần nhận định của bản án, quyết định của bản án và Biên bản nghị án là không thống nhất.

Kết luận Điều tra số 28/KL ngày 28/2/2020 đề nghị truy tố 2 bị cáo vì hành vi có tính chất côn đồ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, 2 bị cáo đều khai bị cáo có đánh bị hại nhưng thương tích không đến mức như Kết luận giám định. Bị cáo H1 kêu oan vì cho rằng, 2 bị cáo có đánh bị hại nhưng thương tích không đến mức như Kết luận giám định. Bị hại chỉ nhập viện điều trị 3 ngày rồi đi làm bình thường.

- Tại Công văn số 218 của Trung tâm giám định pháp y ngày 12/6/2018 yêu cầu Bệnh viện đa khoa K kiểm tra lại phim X- Quang xem: có tràn dịch màng phổi bên phải + gãy cung sau xương sườn 9-10 và gãy xương sườn số 6 hay không? vì theo Giấy chứng thương số 768 ngày 07/6/2018 thì thương tích của bị hại là: *Tràn khí 1/4 phổi phải, tù góc sườn hoành phổi phải. Gãy cung sau bên phải xương sườn số 6* (BL 200) nhưng kết quả chụp cắt lớp vi tính của bệnh viện đa khoa Đồng Nai thì chẩn đoán: bị hại: *Dày dính màng phổi bên phải + gãy cung sau xương sườn 9-10 phải*. Đề nghị cấp lại bệnh án (BL 54).

Kết luận giám định ngày 20/7/2018: *Tổn thương tràn dịch khí, tràn dịch màng phổi. Thương tích 21%; Tổn thương cung sau sườn số IX-X bên phải . Tỷ lệ 5%. TC: Tỷ lệ 25% - BL 5.*

Ngày 31/7/2018, BV ĐK K cấp lại giấy chứng nhận thương tích số 1326 Kết quả chụp X- Quang ngực thẳng: *Tràn khí màng phổi, từ góc sườn hoành phải, hiện tại không phát hiện tổn thương gãy xương ( do phần mềm che khuất)- BL 53.*

Kết luận Giám định pháp y trên hồ sơ số 0484/GĐHS/2019 ngày 20/3/2019 kết luận: *Gãy cung sau xương sườn IX-X bên phải, tràn dịch, tràn khí màng phổi phải: - BL 149.*

Kết luận giám định số 0484 ghi căn cứ Công văn số 842 ngày 25/6/2018 của BV đa khoa K nhưng hồ sơ không thể hiện có công văn này. Hồ sơ cũng không thu thập tài liệu chẩn đoán của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai như nêu trong công văn trên.

Hồ sơ cũng thể hiện: Cơ quan Điều tra không gửi Kết luận giám định cho bị cáo là vi phạm khoản 2 Điều 214 BLTTHS – BL 58.

Chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ thể hiện: Lời khai của nhân chứng là anh H4 – bảo vệ công ty D khai: Anh là người chứng kiến sự việc đánh nhau. H1 đứng trước mặt, H2 vòng ra đứng phía sau anh T. H1 hỏi rồi đá anh T còn H2 đứng phía sau. H1 và T té nằm dưới đất đánh nhau nên anh H4 và một người bảo vệ gác chung lại can ra. Lúc này sự việc dừng lại. Hai bên lời qua tiếng lại, anh T lao lại đâm H1 thì H1 và H2 mới đuổi theo. Nếu theo lời khai này thì chỉ sau khi T tấn công lại H1 thì H2 mới tham gia, đúng như lời khai của H2: thấy anh T bị đánh chảy máu mũi và đánh không lại nên mới cởi nón bảo hiểm ném vào anh T (BL 124 – 129). Theo lời khai của bị hại thì H2 chỉ đứng nhìn. Sau khi anh T đánh nhau với H1 lần 2 thì H2 mới tham gia. Thương tích là do H1 gây ra.

Tại bản Kết luận điều tra số 32 ngày 4/6/2019 và các tài liệu, lời khai của bị hại, Kết luận giám định thì thể hiện việc dùng nón bảo hiểm của bị cáo H2 không gây thương tích. Thương tích là do quá trình H1 và bị hại vật lộn dưới đất, ngã vào thềm xi măng dưới đường. Từ đó Cơ quan điều tra ban hành Quyết định đình chỉ điều tra. Sau đó Viện kiểm sát nhân dân huyện T có Quyết định hủy bỏ Quyết định đình chỉ điều tra vì cho rằng hành vi của 2 bị cáo là côn đồ.

Như vậy, cơ quan điều tra, VKS truy tố 2 bị cáo tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 134 là vì hành vi có tính chất côn đồ. Việc bị cáo dùng hung khí nguy hiểm là nón bảo hiểm không gây ra thương tích cho bị hại nhưng Bản án sơ thẩm lại áp dụng điểm a khoản 1 của Điều 134 BLHS xử các bị cáo về hành vi dùng hung khí nguy hiểm là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều khai khi gặp anh T, bị cáo H1 hỏi tại sao đánh chị tao. Hai bên cãi nhau một lúc thì H1 mới xông vào đá. Nội dung này chưa trích xuất xem lại camera và lấy lời khai nhân chứng, bị hại làm rõ.

Các bị cáo khai thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng không được giải thích quyền yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Sau khi xảy ra sự việc, các bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả, đền bù thiệt hại thỏa đáng, bị hại đã có đơn xin rút đơn yêu cầu khởi tố, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng mức hình phạt bản án sơ thẩm tuyên buộc đối với các bị cáo là chưa phù hợp, chưa tương xứng.

Với những thiếu sót trên, phải hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra, giải quyết lại theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ, tài liệu thu thập và quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Hủy toàn bộ bản án số 47/2020/HS-ST ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện T xét xử các bị cáo Diệp Văn H1, Lê Văn Ngọc H2 về tội Cố ý gây thương tích.

Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T để yêu cầu điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Bị cáo H1, bị cáo H2 không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

*Nơi nhận:*

- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục huyện T;
- TAND huyện T.
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- PV 06;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Tuyền**